

Công ty Cổ phần SJ GROUP

Báo cáo tài chính riêng

Quý 2 năm 2024



Công ty Cổ phần SJ GROUP

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 43



Công ty Cổ phần SJ GROUP

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần SJ GROUP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103002731 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 8 tháng 8 năm 2003. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 13 số 0101399461 được cấp ngày 11 tháng 4 năm 2024.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Kinh doanh bất động sản;
- ▶ Kinh doanh các dịch vụ bất động sản; và
- ▶ Kinh doanh khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị và khu công nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Ô đất TT2, Khu đô thị mới Nam An Khánh, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Văn Bình	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phú Cường	Thành viên
Bà Chu Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Bùi Quang Bách	Thành viên
Ông Phương Xuân Thụy	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Thùy	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thanh Huyền	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Thắng	Thành viên

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Thành viên Ban kiểm toán nội bộ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Minh Sơn	Trưởng ban
---------------------	------------



Công ty Cổ phần SJ GROUP

THÔNG TIN CHUNG (Tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2024
Ông Nguyễn Việt Cường	Quyền Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2024
Ông Trần Oanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Diện	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2024
Ông Nguyễn Trần Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Chính	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Như Trung	Phó Tổng giám đốc	
Ông Nguyễn Hải Ninh	Giám đốc Tài chính	



Công ty Cổ phần SJ GROUP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Ngày 30 tháng 6 năm 2024

B01 - DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.865.029.963.416	4.603.109.897.632
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	112.267.605.428	39.170.625.982
111	1. Tiền		103.921.575.428	31.399.575.982
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.346.030.000	7.771.050.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	5.147.050.000	5.127.170.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		17.817.000.000	17.817.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(12.669.950.000)	(12.689.830.000)
130	III. Các khoản phải thu		544.688.425.008	431.732.200.998
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	193.187.538.079	161.696.295.211
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	26.877.212.703	32.711.693.774
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	8.574.508.000	8.574.508.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	385.872.794.211	298.573.331.998
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(69.823.627.985)	(69.823.627.985)
140	IV. Hàng tồn kho	10	4.185.436.820.989	4.109.551.086.181
141	1. Hàng tồn kho		4.185.436.820.989	4.109.551.086.181
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		17.490.061.991	17.528.814.471
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	16.601.177.547	16.652.266.511
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	888.884.444	876.547.960

101399
CÔNG
CỔ PH
JGR
VH PH

Công ty Cổ phần SJ GROUP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Ngày 30 tháng 6 năm 2024

B01 - DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.344.051.196.461	3.313.436.998.324
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		134.242.355.975	134.242.355.975
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6.2	49.982.867.975	49.982.867.975
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	32	17.188.888.000	17.188.888.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	8	67.070.600.000	67.070.600.000
220	II. Tài sản cố định	12	221.727.414.883	225.533.247.235
221	1. Tài sản cố định hữu hình		221.727.414.883	225.533.247.235
222	- Nguyên giá		310.935.857.133	310.935.857.133
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(89.208.442.250)	(85.402.609.898)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		53.180.000	53.180.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(53.180.000)	(53.180.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	4.747.967.564	5.064.624.458
231	- Nguyên giá		15.832.845.014	15.832.845.014
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.084.877.450)	(10.768.220.556)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.081.283.543.205	2.075.115.044.022
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	15.1	2.068.816.251.372	2.063.570.008.758
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15.2	12.467.291.833	11.545.035.264
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	16	884.320.732.022	857.711.562.769
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.1	953.371.600.000	917.259.300.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	16.2	-	7.800.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.3	58.243.068.750	58.243.068.750
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	16	(127.293.936.728)	(125.590.805.981)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		17.729.182.812	15.770.163.865
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	16.322.815.477	13.753.218.364
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.406.367.335	2.016.945.501
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.209.081.159.877	7.916.546.895.956



Công ty Cổ phần SJ GROUP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Ngày 30 tháng 6 năm 2024

B01 - DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.406.856.275.278	5.215.014.223.789
310	I. Nợ ngắn hạn		2.387.488.053.969	3.021.130.870.794
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	129.373.125.705	129.607.226.797
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	80.784.326.259	489.398.276
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	71.129.250.600	79.979.668.891
314	4. Phải trả người lao động		2.858.754.703	5.870.069.997
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	1.017.284.510.023	1.181.041.578.950
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	-	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	942.366.205.893	1.517.395.695.497
320	8. Vay ngắn hạn	22	74.190.000.000	37.095.000.000
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	23	69.501.880.786	69.652.232.386
330	II. Nợ dài hạn		3.019.368.221.309	2.193.883.352.995
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	17.2	193.208.327.754	193.208.327.754
333	2. Chi phí phải trả dài hạn	19	56.387.798.459	2.958.996.480
337	3. Phải trả dài hạn khác	21	2.250.104.540.136	1.440.870.680.136
338	4. Vay dài hạn	22	519.331.870.000	556.426.870.000
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		335.684.960	418.478.625

Công ty Cổ phần SJ GROUP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Ngày 30 tháng 6 năm 2024

B01 - DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.802.224.884.599	2.701.532.672.167
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	1.148.555.400.000	1.148.555.400.000
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		1.148.555.400.000	1.148.555.400.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.148.555.400.000	1.148.555.400.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24	218.799.446.787	218.799.446.787
415	3. Cổ phiếu quỹ	24	(61.161.904.650)	(61.161.904.650)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	23	745.860.594.064	745.860.594.064
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	23	7.523.041.519	7.523.041.519
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24	742.648.306.879	641.956.094.447
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		689.598.791.602	439.815.318.800
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		53.049.515.277	202.140.775.647
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.209.081.159.877	7.916.546.895.956

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

Trần Việt Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Ninh
Giám đốc Tài chính

Công ty Cổ phần SJ GROUP

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG
Quý 2 năm 2024

B02 - DN

Đơn vị tính: VND

STT	Diễn giải	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	107.545.243.221	6.241.511.421	216.527.420.691	54.399.933.208
2	Các khoản giảm trừ		-	-	-	-
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		107.545.243.221	6.241.511.421	216.527.420.691	54.399.933.208
4	Giá vốn hàng bán	25	29.641.154.252	13.537.582.345	72.866.593.925	52.202.268.903
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	77.904.088.969	(7.296.070.924)	143.660.826.766	2.197.664.305
6	Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	1.456.004.576	50.030.154.045	1.554.528.663	51.419.648.809
7	Chi phí tài chính	27	3.924.146.912	(39.314.576.760)	2.281.606.912	(54.751.142.921)
	'Trong đó: Lãi vay phải trả		598.356.165	472.898.630	598.356.165	472.898.630
8	Chi phí bán hàng	28	561.504.849	1.001.270.047	1.107.406.355	1.173.589.872
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	7.608.548.057	3.963.216.746	14.975.576.991	13.025.341.242
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		67.265.893.727	77.084.173.088	126.850.765.171	94.169.524.921
11	Thu nhập khác	29	-	12.495	-	61.612.264
12	Chi phí khác	29	873.499.105	1.507.428.029	873.499.105	1.715.961.180
13	Lợi nhuận khác	29	(873.499.105)	(1.507.415.534)	(873.499.105)	(1.654.348.916)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		66.392.394.622	75.576.757.554	125.977.266.066	92.515.176.005
15	Chi phí thuế thu nhập hiện hành	30	13.342.879.345	11.924.503.730	25.285.053.634	11.654.309.178
16	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	30	-	(409.027.497)	-	(409.027.497)
17	Lợi nhuận sau thuế		53.049.515.277	63.243.226.327	100.692.212.432	80.451.839.330



Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập



Trần Việt Dũng
Kế toán trưởng




Nguyễn Hải Ninh
Giám đốc Tài chính

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

Công ty Cổ phần SJ GROUP

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Quý 2 năm 2024

B03 - DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		125.977.266.066	172.291.409.488
02	Khấu hao và hao mòn TSCĐ và bất động sản đầu tư		3.805.832.352	7.268.385.022
03	Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/ dự phòng		(1.642.540.000)	17.446.930.096
05	Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.364.271.337)	(2.003.750.074)
06	Chi phí lãi vay		598.356.165	-
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		125.374.643.246	195.002.974.532
09	Tăng/giảm các khoản phải thu		(44.685.609.117)	71.779.365.753
10	Tăng/giảm hàng tồn kho		(117.504.771.566)	(190.116.050.413)
11	Tăng/giảm các khoản phải trả		224.066.662.829	(601.533.814.553)
12	Tăng/giảm chi phí trả trước		(2.526.235.423)	478.872.805
14	Tiền lãi vay đã trả		(70.972.697.197)	(127.002.111.257)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(43.653.103.229)	(9.001.786.186)
16	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(902.389.713)	(3.798.422.145)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ sử dụng vào hoạt động kinh doanh		69.196.499.830	(664.190.971.464)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(2.294.843.335)	(3.212.309.460)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác/Tiền chi để mua các công ty con, trừ đi tiền thu về		(3.450.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác/bán công ty con		8.190.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.455.322.951	2.003.750.074
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.900.479.616	(1.208.559.386)

Công ty Cổ phần SJ GROUP

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)
Quý 2 năm 2024

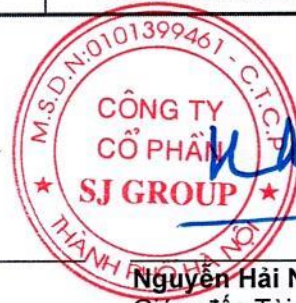
B03 - DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		40.000.000.000	441.542.683.452
34	Tiền trả nợ gốc vay		(40.000.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		0	441.542.683.452
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		73.096.979.446	(223.856.847.398)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	39.170.625.982	245.392.505.807
70	70. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	112.267.605.428	21.535.658.409

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập

Trần Việt Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Ninh
Giám đốc Tài chính

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 2 năm 2024

B09 - DN

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần SJ GROUP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103002731 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 8 tháng 8 năm 2003. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 13 số 0101399461 được cấp ngày 11 tháng 4 năm 2024.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Kinh doanh bất động sản;
- ▶ Kinh doanh các dịch vụ bất động sản; và
- ▶ Kinh doanh khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị và khu công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty có thể kéo dài trên 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của các hoạt động khác của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Ô đất TT2, Khu đô thị mới Nam An Khánh, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tính chất mùa vụ của hoạt động ảnh hưởng đến báo cáo

Do đặc tính của ngành kinh doanh bất động sản, doanh thu chuyển nhượng bất động sản phụ thuộc vào tình trạng hoàn thành của các dự án bất động sản và tình hình thị trường tại các thời điểm các dự án được chào bán. Mặt khác, doanh thu cho thuê và cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản dự kiến sẽ ổn định trong suốt cả năm trừ khi Công ty đưa các sản phẩm đầu tư mới vào thị trường.

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Quý 2 năm 2024

B09 - DN

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (Tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại Ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 5 chi nhánh hạch toán phụ thuộc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5 chi nhánh hạch toán phụ thuộc). Chi tiết như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh An Khánh - Công ty Cổ phần SJ Group	Khu đô thị mới Nam An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Quảng Ninh - Công ty Cổ phần SJ Group	Số nhà 801, tổ 5, khu 9 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần SJ Group	Tầng 12, Tòa nhà Ngân hàng Phát triển Việt Nam khu vực Quảng Nam – Đà Nẵng, 74 Quang Trung, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Sàn giao dịch BĐS SJ GROUP - Công ty Cổ phần SJ Group	Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Ban quản lý dự án Văn La thuộc Công ty Cổ phần SJ Group	Lô TT2-13, dự án khu nhà ở Văn La, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Tại Ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 7 công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 7 công ty con) với thông tin chi tiết như sau :

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
1	Công ty TNHH Một thành viên Sudico Tiên Xuân	100%	100%	Khu đất Dịch Vụ 1-2, ngõ 323, đường Trần Hưng Đạo, xã Sù Ngòi, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; cung cấp dịch vụ hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí của các cơ sở thể thao, các công viên vui chơi và các công viên theo chủ đề.
2	Công ty TNHH Sudico Thăng Long	99,97%	99,97%	Khu Đô thị mới Nam An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tư vấn quản lý; tư vấn đầu tư; kinh doanh bất động sản; tư vấn, quảng cáo và quản lý bất động sản và các hoạt động khác.
3	Công ty Cổ phần SJ Dịch vụ	51%	51%	Tầng M3, tòa nhà CT1, khu đô thị Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh các dịch vụ bất động sản; Kinh doanh khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị và khu công nghiệp.
4	Công ty Cổ phần Sudico Miền Trung (*)	100%	100%	Tầng 2, tòa nhà 12 Hồ Xuân Hương, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Tư vấn đầu tư, lập, thẩm định và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Quý 2 năm 2024

B09 - DN

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (Tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Trụ sở chính	Hoạt động chính
5	Công ty Cổ phần Sudico Hòa Bình	96,4%	96,4%	Khu đất Dịch Vụ 1-2, ngõ 323, đường Trần Hưng Đạo, xã Sủ Ngòi, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; kinh doanh khu nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp; kinh doanh khai thác dịch vụ nhà ở, khu đô thị và khu công nghiệp; đầu tư tạo lập nhà, công trình để bán và cho thuê; đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình đất đã có hạ tầng; dịch vụ bất động sản.
6	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Đầu tư Phát triển Sudico	71%	71%	Tòa nhà CT1, khối 25 tầng, khu đô thị Mỹ Đình – Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất vật liệu xây dựng từ gạch, cát, xi măng, thạch cao; bán buôn, bán lẻ gạch bê tông khí chưng áp, vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất; bán buôn máy, thiết bị và phụ tùng máy.
7	Công ty Cổ phần Tư vấn Sudico	57,84%	57,84%	Tầng 1, đơn nguyên 1, tòa nhà CT1, khu đô thị Mỹ Đình – Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tư vấn thiết kế dự án, tư vấn thẩm định dự án, tư vấn lập báo cáo, tư vấn giám sát thi công, tư vấn quản lý dự án.

(*) Công ty Cổ phần Sudico Miền Trung đang trong quá trình giải thể theo Quyết định số 131/QĐ-CT-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 20 tháng 11 năm 2012.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2024

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 16. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2024 này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Theo quy định tại Thông tư này, Công ty cũng đã lập Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2024 của Công ty và các công ty con Ngày 30 tháng 6 năm 2024 vào Ngày 29 tháng 7 năm 2024.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2024 nên đọc báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2024 của Công ty và các công ty con nêu trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý 2 năm 2024 của Công ty và các công ty con.

2.2 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2024

Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2024 của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính Quý 2 năm 2024 của văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2024 của các đơn vị trực thuộc được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2024 của văn phòng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2024 được tổng hợp bằng cách hợp cộng các chỉ tiêu tương ứng của tất cả Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2024 của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Các giao dịch đầu tư vốn, cung cấp hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm, thu hộ, chi hộ, ... giữa văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau được gán trừ vào chỉ tiêu tương ứng trên Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2024.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (Tiếp theo)

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2024 của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2024 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2024 được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng Quý 2 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2 năm 2024 và lưu chuyển tiền tệ riêng Quý 2 năm 2024 theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2024 được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó, cụ thể như sau:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2 năm 2024 theo phương pháp tính theo giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 2 năm 2024.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2 năm 2024. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2 năm 2024.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2024 theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 2 năm 2024. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2 năm 2024. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2 năm 2024.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2 năm 2024 khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2 năm 2024.

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Tài sản khác	3 - 5 năm

3.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
------------------------	--------

Đối với các bất động sản đầu tư cho thuê dài hạn có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ mà doanh thu được ghi nhận một lần cho toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước như được trình bày tại Thuyết minh số 3.15, khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư này được ghi nhận toàn bộ một lần cùng thời điểm ghi nhận doanh thu.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng Quý 2 năm 2024 sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2 năm 2024 trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng Quý 2 năm 2024 và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2024.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2 năm 2024 của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2 năm 2024 của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 2 năm 2024. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2 năm 2024.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.11 Các khoản dự phòng

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng Quý 2 năm 2024.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2 năm 2024 sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 2 năm 2024, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng Quý 2 năm 2024 theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2 năm 2024.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng Quý 2 năm 2024.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu nói trên, các khoản thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào khoản mục người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán riêng Quý 2 năm 2024 đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu cho thuê ghi nhận hàng kỳ

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2 năm 2024 theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cho thuê ghi nhận một lần

Đối với trường hợp cho thuê tài sản có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ và thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- Công ty ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê

3.16 Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng

Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng bao gồm toàn bộ các chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất và nhà và các chi phí khác có liên quan được phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- ▶ Các chi phí về đất và phát triển đất;
- ▶ Các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng; và
- ▶ Các chi phí khác có liên quan phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản như các chi phí phát sinh từ hoạt động phát triển đất và công trình trên đất hiện tại và trong tương lai của dự án (như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung và chi phí phát triển quỹ đất bắt buộc dành cho các mục đích công cộng v.v..).

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 2 năm 2024.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2 năm 2024 ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



3. **TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 2 năm 2024 giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2024.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 2 năm 2024 và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 2 năm 2024 và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 2 năm 2024.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2 năm 2024 ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động kinh doanh bất động sản và cung cấp các dịch vụ liên quan trong lãnh thổ Việt Nam là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản kinh doanh khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc đã định rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh bất động sản và cung cấp các dịch vụ liên quan và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là Việt Nam.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

01013
CÔNG
CỔ
SJ G
NH P

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Quý 2 năm 2024

B09 - DN

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024	31/12/2023
Tiền mặt	1.445.600.858	281.280.856
Tiền gửi ngân hàng	102.475.974.570	31.118.295.126
Các khoản tương đương tiền (*)	8.346.030.000	7.771.050.000
TỔNG CỘNG	112.267.605.428	39.170.625.982

(*) Đây là khoản tiền gửi với kỳ hạn 1 tháng.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2024			31/12/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	17.817.000.000	5.147.050.000	(12.669.950.000)	17.817.000.000	5.127.170.000	(12.689.830.000)
Công ty Cổ phần đầu tư Nhà Đất Việt	15.829.000.000	4.590.410.000	(11.238.590.000)	15.829.000.000	4.590.410.000	(11.238.590.000)
Công ty Cổ phần đầu tư PV2	1.988.000.000	556.640.000	(1.431.360.000)	1.988.000.000	536.760.000	(1.451.240.000)
TỔNG CỘNG	17.817.000.000	5.147.050.000	(12.669.950.000)	17.817.000.000	5.127.170.000	(12.689.830.000)

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Quý 2 năm 2024

B09 - DN

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2024	31/12/2023
Phải thu từ các bên khác	192.308.108.637	160.685.825.769
<i>Công ty Cổ phần SDP</i>	32.683.500.972	32.683.500.972
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Quảng</i>	19.189.317.360	20.689.317.360
<i>Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Dự án Việt Nam</i>	20.498.750.000	20.498.750.000
<i>Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Minh</i>	18.951.528.945	18.951.528.945
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Phúc Hà</i>	15.419.772.082	15.419.772.082
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	85.565.239.278	52.442.956.410
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	879.429.442	1.010.469.442
TỔNG CỘNG	193.187.538.079	161.696.295.211
Trong đó:		
<i>Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh</i>	159.175.177.919	131.331.312.422
<i>Dự án Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì</i>	19.919.273.945	19.919.273.945
<i>Các dự án và phải thu thương mại khác</i>	14.093.086.215	10.445.708.844

6.2 Trả trước cho người bán

	30/6/2024	31/12/2023
Ngắn hạn		
Trả trước cho người bán	24.567.857.920	30.400.298.563
<i>Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Ánh Dương</i>	1.352.428.682	1.510.404.658
<i>Công ty TNHH XD & TM Nam Á</i>	-	1.836.777.367
<i>Công ty CP Sông Đà 8</i>	2.197.024.437	2.197.024.437
<i>Các khoản trả trước khác</i>	21.018.404.801	24.856.092.101
Trả trước cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	2.309.354.783	2.311.395.211
TỔNG CỘNG	26.877.212.703	32.711.693.774
Dài hạn		
Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Hoài Đức	49.982.867.975	49.982.867.975
TỔNG CỘNG	49.982.867.975	49.982.867.975

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Quý 2 năm 2024

B09 - DN

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/6/2024	31/12/2023
Phải thu về cho vay ngắn hạn	6.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu về cho vay với các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	2.574.508.000	2.574.508.000
TỔNG CỘNG	8.574.508.000	8.574.508.000

8. PHẢI THU KHÁC

	30/6/2024	31/12/2023
Ngắn hạn		
Đặt cọc theo hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp (*)	192.000.000.000	192.000.000.000
Phải thu khác	193.872.794.211	106.573.331.998
TỔNG CỘNG	385.872.794.211	298.573.331.998
Dài hạn		
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Xi măng Hạ Long	67.070.600.000	67.070.600.000
TỔNG CỘNG	67.070.600.000	67.070.600.000

(*) Đây là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng phần vốn góp số 01/HĐĐC/SUDICO-LQA ngày 16 tháng 5 năm 2023 để mua vốn góp của một đối tác doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bất động sản.

9. NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN

	30/6/2024		31/12/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty CP SDP	32.683.500.972	22.866.585.000	32.683.500.972	22.866.585.000
Công ty TNHH XD và phát triển dự án Việt Nam	20.498.750.000	5.699.500.000	20.498.750.000	5.699.500.000
Công ty TNHH SX kinh doanh XNK Bình Minh	18.951.528.945	13.290.519.751	18.951.528.945	13.290.519.751
Công ty CP đầu tư KD và phát triển hạ tầng KCN Phúc Hà	15.419.772.082	-	15.419.772.082	-
Các đối tượng khác	31.430.795.367	7.304.114.630	31.430.795.367	7.304.114.630
TỔNG CỘNG	118.984.347.366	49.160.719.381	118.984.347.366	49.160.719.381

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Quý 2 năm 2024

B09 - DN

10. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2024		31/12/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang				
Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh	4.185.436.820.989	-	4.109.551.086.181	-
TỔNG CỘNG	4.185.436.820.989	-	4.109.551.086.181	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2024	31/12/2023
Ngắn hạn		
Chi phí hạ tầng lô đất TH1 và TH2 dự án Mỹ Đình - Mễ Trì (*)	16.469.107.524	16.469.107.524
Chi phí khác	132.070.023	183.158.987
TỔNG CỘNG	16.601.177.547	16.652.266.511
Dài hạn		
Hỗ trợ tài chính theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dịch vụ giáo dục (**)	9.854.826.003	10.060.134.879
Chi phí khác	6.467.989.474	3.693.083.485
TỔNG CỘNG	16.322.815.477	13.753.218.364

(*) Đây là chi phí phát triển hạ tầng của lô đất TH1 và TH2 thuộc dự án Mỹ Đình - Mễ Trì dự kiến sẽ được các bên nhận bàn giao các lô đất này bồi hoàn cho Công ty. Theo Quyết định số 20/2004/QĐ-UBND ngày 19 tháng 2 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu đô thị Mỹ Đình – Mễ Trì và Quyết định số 5577/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu về sử dụng đất để xây dựng Khu đô thị Mỹ Đình – Mễ Trì, Công ty có trách nhiệm đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch và bàn giao lại 2 lô đất TH1 và TH2 để xây dựng trường tiểu học và trung học. Công ty đã thực hiện tạm thời bàn giao lô đất TH1 cho Trường Trung học Phổ thông Dân lập Marie Curie vào ngày 28 tháng 6 năm 2012 và lô đất TH2 cho Ủy ban Nhân dân Quận Nam Từ Liêm để xây dựng Trường Tiểu học và Trung học Cơ sở Mỹ Đình 1 theo Quyết định số 2066/QĐ-UBND ngày 8 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội.

(**) Đây là khoản cam kết hỗ trợ tài chính mà Công ty đã trả cho một đối tác là đơn vị cung cấp dịch vụ giáo dục để vận hành hoạt động trường phổ thông liên cấp nằm trong Khu đô thị mới Nam An Khánh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dịch vụ giáo dục được ký kết ngày 29 tháng 5 năm 2017.

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý 2 năm 2024

B09 - DN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc (*)	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	295.057.536.419	982.516.578	11.445.075.101	2.505.033.287	945.695.748	310.935.857.133
- Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	295.057.536.419	982.516.578	11.445.075.101	2.505.033.287	945.695.748	310.935.857.133
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	4.127.682.468	982.516.578	11.389.084.192	2.347.325.106	945.695.748	19.792.304.092
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	69.591.285.003	982.516.578	11.411.480.560	2.471.632.009	945.695.748	85.402.609.898
- Khấu hao trong kỳ	3.782.660.688	-	5.599.092	17.572.572	-	3.805.832.352
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	73.373.945.691	982.516.578	11.417.079.652	2.489.204.581	945.695.748	89.208.442.250
Giá trị còn lại						
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	225.466.251.416	-	33.594.541	33.401.278	-	225.533.247.235
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	221.683.590.728	-	27.995.449	15.828.706	-	221.727.414.883

(*) Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm các tầng từ 15 đến 18 của tòa nhà hỗn hợp HH3, Khu đô thị Mỹ Đình – Mễ Trì với tổng nguyên giá là 68,5 tỷ VND. Giá trị của tòa nhà hỗn hợp này đang được tạm hạch toán dựa trên dự toán tổng mức đầu tư của tòa nhà. Tại Ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đang hoàn thiện hồ sơ chứng từ để hoàn tất việc ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Nhà cửa, vật kiến trúc

Nguyên giá

Ngày 31 tháng 12 năm 2023 15.832.845.014

- Giảm trong kỳ -

Ngày 30 tháng 6 năm 2024 15.832.845.014

Giá trị khấu hao lũy kế:

Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (10.768.220.556)

- Khấu hao trong kỳ (316.656.894)

- Giảm trong kỳ -

Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (11.084.877.450)

Giá trị còn lại

Ngày 31 tháng 12 năm 2023 5.064.624.458

Ngày 30 tháng 6 năm 2024 4.747.967.564

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm tầng 1 các tòa nhà CT1, CT4, CT5, CT6, CT9 thuộc khu đô thị Mỹ Đình - Mỹ Trì đang được Công ty sử dụng cho mục đích cho thuê hoạt động.

Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý cho toàn bộ bất động sản đầu tư tại Ngày 30 tháng 6 năm 2024 do chưa thu thập đủ thông tin về thị trường để phục vụ cho mục đích xác định giá trị hợp lý.

14. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Công ty đã vốn hóa các chi phí đi vay với tổng số tiền là 158,5 tỷ VND liên quan đến các khoản vốn vay trực tiếp để Công ty đầu tư phát triển Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh.

15. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

15.1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Giá gốc (đồng thời là giá trị có thể thu hồi)	
	30/6/2024	31/12/2023
Dự án Khu đô thị mới Hòa Hải – Đà Nẵng	1.238.872.185.051	1.238.027.191.934
Dự án Văn La - Văn Khê - Hà Đông	546.755.865.112	543.315.277.652
Dự án Khu đô thị Mỹ Đình – Mễ Trì	172.917.044.334	172.917.044.334
Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh mở rộng	110.271.156.875	109.310.494.838
TỔNG CỘNG	2.068.816.251.372	2.063.570.008.758

Toàn bộ các dự án nêu trên đang trong quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng và hoàn thiện các thủ tục pháp lý với các cơ quan quản lý Nhà nước. Do đó, Công ty đánh giá chưa thể hoàn thành các dự án này trong ngắn hạn và đã trình bày các dự án này là tài sản dở dang dài hạn.

15.2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2024	31/12/2023
Dự án Khu sinh thái Sông Đà - Ngọc Vũng	12.467.291.833	11.545.035.264
TỔNG CỘNG	12.467.291.833	11.545.035.264

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý 2 năm 2024

B09 - DN

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2024			31/12/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào Công ty con (Thuyết minh 16.1)	953.371.600.000	(112.306.228.954)	841.065.371.046	917.259.300.000	(110.604.436.608)	806.654.863.392
Công ty TNHH Sudico Thăng Long	499.833.400.000	(55.926.065.751)	443.907.334.249	499.833.400.000	(55.926.065.751)	443.907.334.249
Công ty TNHH MTV Sudico Tiến Xuân	350.000.000.000	(27.797.125.543)	322.202.874.457	350.000.000.000	(26.088.532.933)	323.911.467.067
Công ty CP Sudico Hòa Bình	68.612.300.000	(1.810.506.387)	66.801.793.613	32.500.000.000	(1.810.506.387)	30.689.493.613
Cty CP Vật liệu xây dựng và đầu tư phát triển Sudico	15.300.000.000	(15.300.000.000)	-	15.300.000.000	(15.300.000.000)	-
Công ty CP SJ Dịch vụ	7.650.000.000	-	7.650.000.000	7.650.000.000	-	7.650.000.000
Công ty CP Sudico Miền Trung	7.076.000.000	(7.076.000.000)	-	7.076.000.000	(7.076.000.000)	-
Công ty CP Tư vấn Sudico	4.899.900.000	(4.396.531.273)	503.368.727	4.899.900.000	(4.403.331.537)	496.568.463
Đầu tư vào Công ty liên kết (Thuyết minh 16.2)	-	-	-	7.800.000.000	-	7.800.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Sudico (*)	-	-	-	7.800.000.000	-	7.800.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh 16.3)	58.243.068.750	(14.987.707.774)	43.255.360.976	58.243.068.750	(14.986.369.373)	43.256.699.377
TỔNG CỘNG	1.011.614.668.750	(127.293.936.728)	884.320.732.022	983.302.368.750	(125.590.805.981)	857.711.562.769

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường.

(*) Công ty Cổ phần Xây dựng Sudico không còn là Công ty liên kết kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2024.



16.1 Đầu tư vào các công ty con

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH Sudico Thăng Long	99,97%	99,97%	99,97%	99,97%
Công ty TNHH Một Thành viên Sudico Tiến Xuân	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Sudico Hòa Bình (*)	96,4%	96,4%	65%	65%
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Đầu tư Phát triển Sudico (**)	51%	71%	51%	71%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sudico	51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Sudico Miền Trung (***)	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Tư vấn Sudico	57,84%	57,84%	57,84%	57,84%

- (*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-CT-ĐHĐCĐ2022 ngày 10/8/2022 của Công ty CP Sudico Hòa Bình về việc tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 đồng lên 125.000.000.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức. Và trong tháng 01 năm 2024, Công ty đã hoàn tất nhận chuyển nhượng 3.925.205 cổ phần trong Công ty CP Sudico Hòa Bình từ các cổ đông cá nhân với tổng giá phí là 36.148 tỷ đồng theo đó tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty CP Sudico Hòa Bình tăng từ 65% lên 96,4%.
- (**) Tại Ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nắm giữ 51% vốn chủ sở hữu. Bên cạnh đó, Công ty có quyền biểu quyết thông qua Công ty TNHH Sudico Thăng Long và Công ty TNHH Một Thành viên Sudico Tiến Xuân, các công ty con của Công ty, lần lượt là 10% và 10%.
- (***) Theo Quyết định số 131/QĐ-CT-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 20 tháng 11 năm 2012, Công ty Cổ phần Sudico Miền Trung đã chấm dứt hoạt động từ ngày 30 tháng 9 năm 2012. Hiện tại, công ty con này đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.

16.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xây dựng Sudico (*)	-	3,3%	26%	33,3%

- (*) Công ty Cổ phần Xây dựng Sudico có trụ sở chính đặt tại tầng 2, tòa nhà CT1, khối 25 tầng, Khu đô thị Mỹ Đình – Mỹ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chủ yếu của Công ty trong kỳ là cung cấp các dịch vụ xây dựng theo đăng ký trên giấy phép kinh doanh. Công ty đã hoàn thành thoái vốn tại Công ty CP Xây dựng Sudico ngày 25 tháng 4 năm 2024. Công ty TNHH MTV Sudico Tiến Xuân hoàn thành thoái vốn tại Công ty CP Xây dựng Sudico ngày 16 tháng 5 năm 2024. Còn lại Công ty TNHH Sudico Thăng Long đang tiếp tục hoàn thiện thủ tục thoái vốn tại Công ty này.

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Quý 2 năm 2024

B09 - DN

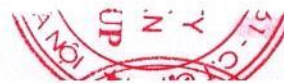
16.3 Đầu tư dài hạn khác

	30/6/2024			31/12/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	23.493.000.000	(8.650.131.890)	14.842.868.110	23.493.000.000	(8.650.131.890)	14.842.868.110
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinare	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu (*)	11.550.068.750	-	11.550.068.750	11.550.068.750	-	11.550.068.750
Công ty Cổ phần ĐTPT nhà và đô thị HUDSE	7.200.000.000	(337.575.884)	6.862.424.116	7.200.000.000	(336.237.483)	6.863.762.517
Công ty CP gạch nhẹ Phúc Sơn	6.000.000.000	(6.000.000.000)	-	6.000.000.000	(6.000.000.000)	-
TỔNG CỘNG	58.243.068.750	(14.987.707.774)	43.255.360.976	58.243.068.750	(14.986.369.373)	43.256.699.377

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường.

(*) Theo Nghị quyết số 028/2016/NQ-GIC-ĐHĐCĐ ngày 28/6/2016 của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Toàn cầu (GIC) đã phát hành tăng vốn điều lệ từ 320 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng với tỷ lệ 25% từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, theo đó số lượng cổ phần của Công ty được tăng thêm 220.000 cổ phần (tổng số lượng cổ phần Công ty nắm giữ tại GIC sau khi tăng vốn là 1.100.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 2,75% vốn điều lệ).

Thực hiện Nghị quyết số 015/2021/NQ-GIC-ĐHĐCĐ ngày 13/05/2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Toàn cầu và Nghị quyết số 028/2021/NQ-GIC-ĐHĐCĐ ngày 20/8/2021 về việc triển khai thực hiện phương án tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ, theo đó GIC phát hành tăng vốn điều lệ từ 400 tỷ đồng lên 465 tỷ đồng, tương ứng phát hành 6.500.000 cổ phần với giá phát hành là 15.385 đồng/1 cổ phần. Tổng số lượng cổ phần Công ty được mua là 178.750 cổ phần (tương ứng với tổng giá trị đầu tư là 2.750.068.750 đồng). Như vậy, tổng số cổ phần hiện nay công ty đang nắm giữ tại GIC là 1.278.750 cổ phần, tương ứng 12.787.500.000 đồng giá trị mệnh giá, chiếm tỷ lệ 2,75% vốn điều lệ tại GIC.



Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Quý 2 năm 2024

B09 - DN

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

17.1 Phải trả người bán

Giá gốc (đồng thời là số có khả năng trả nợ)

	30/6/2024	31/12/2023
Phải trả cho người bán	117.591.221.906	116.838.917.902
<i>Công ty TNHH XD và phát triển hạ tầng Ánh Dương</i>	29.804.455.191	27.123.888.238
<i>Công ty Cổ phần SDP</i>	10.671.917.606	10.671.917.606
<i>Công ty CP XD và thương mại Vạn Thành Hà Nội</i>	7.746.174.712	11.396.174.712
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	69.368.674.397	67.646.937.346
Phải trả cho các bên liên quan	11.781.903.799	12.768.308.895
(Thuyết minh số 31)		
TỔNG CỘNG	129.373.125.705	129.607.226.797

17.2 Người mua trả tiền trước

	30/6/2024	31/12/2023
Ngắn hạn		
Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh	76.678.959.071	489.398.276
Các dự án khác	4.105.367.188	-
TỔNG CỘNG	80.784.326.259	489.398.276

	30/6/2024	31/12/2023
Dài hạn		
Dự án Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì	193.208.327.754	193.208.327.754
TỔNG CỘNG	193.208.327.754	193.208.327.754

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Quý 2 năm 2024

B09 - DN

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/6/2024	31/12/2023
Phải thu		
Thuế GTGT	888.884.444	876.547.960
TỔNG CỘNG	888.884.444	876.547.960

	30/6/2024	31/12/2023
Phải trả		
Thuế GTGT	15.346.160.097	5.233.506.340
Thuế thu nhập doanh nghiệp	54.759.270.807	73.737.898.570
Thuế thu nhập cá nhân	909.977.483	894.421.768
Thuế, phí khác	113.842.213	113.842.213
TỔNG CỘNG	71.129.250.600	79.979.668.891

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2024	31/12/2023
Ngắn hạn		
Chi phí phát triển cơ sở hạ tầng và chi phí xây dựng trích trước	524.976.983.553	581.359.848.872
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	492.307.526.470	599.681.730.078
TỔNG CỘNG	1.017.284.510.023	1.181.041.578.950

Trong đó:

Phải trả các bên khác	683.171.487.118	881.866.953.164
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)	334.113.022.905	299.174.625.786

Dài hạn

Chi phí thuê đất	2.958.996.480	2.958.996.480
Chi phí lãi vay phải trả dài hạn	53.428.801.979	-
TỔNG CỘNG	56.387.798.459	2.958.996.480

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	30/6/2024	31/12/2023
Doanh thu cho thuê kiot thuộc Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì	-	-
TỔNG CỘNG	-	-

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Quý 2 năm 2024

B09 - DN

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2024	31/12/2023
Ngắn hạn		
Phải trả cho các đối tác hợp tác kinh doanh	629.962.842.222	1.161.997.910.000
Tiền góp vốn Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh của khách hàng	38.138.050.233	43.704.177.857
Khen thưởng phải trả công nhân viên từ nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.522.700.000	11.522.700.000
Quỹ trích trước CP sửa chữa tòa nhà SUDICO	23.790.583.290	22.575.945.615
Phải trả ngân sách thành phố Hà Nội (*)	13.084.244.056	13.084.244.056
Cổ tức phải trả	212.939.760.000	212.939.760.000
Phải trả ngắn hạn khác (**)	12.928.026.092	51.570.957.969
TỔNG CỘNG	942.366.205.893	1.517.395.695.497
Dài hạn		
Phải trả cho các đối tác hợp tác kinh doanh	2.054.686.916.882	1.243.686.916.882
Tiền góp vốn Dự án Khu đô thị Văn La – Văn Khê của khách hàng	153.041.892.200	154.941.892.200
Nhận trước tiền bồi hoàn từ Học viện Chính sách và Phát triển	27.945.880.873	27.945.880.873
Nhận trước tiền bồi hoàn từ Trường THPT Dân lập Marie Curie	10.938.966.538	10.938.966.538
Các khoản đặt cọc thuê ki-ốt và đặt cọc mua nhà	3.490.883.643	3.357.023.643
TỔNG CỘNG	2.250.104.540.136	1.440.870.680.136

(*) Theo Công văn số 230/UBND-KT của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, Công ty được giao thực hiện xây dựng và bán các căn hộ thuộc đơn nguyên 3 của tòa nhà CT9, Khu đô thị Mỹ Đình – Mễ Trì và phần lợi nhuận thu được phải nộp lại ngân sách Nhà nước. Công ty đã tạm tính phần lợi nhuận phải nộp lại là 13.084.244.056 VND.

(**) Tại Ngày 30 tháng 6 năm 2024, cổ tức bằng tiền phải trả bao gồm:

- ▶ Cổ tức với số tiền là 99,04 tỷ VND theo Nghị quyết số 01/NQ-CT-ĐHĐCĐ2017 của Đại hội đồng cổ đông ngày 31 tháng 5 năm 2017. Theo Nghị quyết số 48/NQ-CT-HĐQT ngày 23 tháng 6 năm 2023, Hội đồng Quản trị đã gia hạn thời gian trả khoản cổ tức này đến ngày 31 tháng 12 năm 2024;
- ▶ Cổ tức với số tiền là 113,9 tỷ VND theo Nghị quyết số 01/NQ-CT-ĐHĐCĐ2018 của Đại hội đồng cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2018. Theo Nghị quyết số 48/NQ-CT-HĐQT ngày 23 tháng 6 năm 2023, Hội đồng Quản trị đã gia hạn thời gian trả khoản cổ tức này đến ngày 31 tháng 12 năm 2024;



Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Quý 2 năm 2024

B09 - DN

22. VAY NGẮN HẠN

22.1 Vay ngắn hạn

	30/6/2024		Phát sinh trong kỳ		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	74.190.000.000	74.190.000.000	37.095.000.000	-	37.095.000.000	37.095.000.000
Vay cá nhân	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	74.190.000.000	74.190.000.000	77.095.000.000	40.000.000.000	37.095.000.000	37.095.000.000

22.2 Vay dài hạn

	30/6/2024		Phát sinh trong kỳ		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	519.331.870.000	519.331.870.000	-	37.095.000.000	556.426.870.000	556.426.870.000
TỔNG CỘNG	519.331.870.000	519.331.870.000	-	37.095.000.000	556.426.870.000	556.426.870.000



Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Quý 2 năm 2024

B09 - DN

23. CÁC QUỸ CÔNG TY

	30/6/2024	31/12/2023
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	69.501.880.786	69.652.232.386
Quỹ đầu tư phát triển	745.860.594.064	745.860.594.064
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7.523.041.519	7.523.041.519
TỔNG CỘNG	<u>822.885.516.369</u>	<u>823.035.867.969</u>

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Quý 2 năm 2024

B09 - DN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Ngày 01 tháng 01 năm 2023	1.148.555.400.000	218.799.446.787	(61.161.904.650)	745.860.594.064	7.523.041.519	436.154.142.623	2.495.730.720.343
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	202.140.775.647	202.140.775.647
- Tăng khác	-	-	-	-	-	3.661.176.177	3.661.176.177
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.148.555.400.000	218.799.446.787	(61.161.904.650)	745.860.594.064	7.523.041.519	641.956.094.447	2.701.532.672.167
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	100.692.212.432	100.692.212.432
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.148.555.400.000	218.799.446.787	(61.161.904.650)	745.860.594.064	7.523.041.519	742.648.306.879	2.802.224.884.599

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Quý 2 năm 2024

B09 - DN

24.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 01 tháng 01 năm 2023		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đầu tư An Phát	413.678.620.000	413.678.620.000	-	417.458.620.000	417.458.620.000	-
Các cổ đông khác	734.876.780.000	734.876.780.000	-	731.096.780.000	731.096.780.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	218.799.446.787	218.799.446.787	-	218.799.446.787	218.799.446.787	-
Cổ phiếu quỹ	(61.161.904.650)	(61.161.904.650)	-	(61.161.904.650)	(61.161.904.650)	-
TỔNG CỘNG	1.306.192.942.137	1.306.192.942.137	-	1.306.192.942.137	1.306.192.942.137	-

24.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Vốn đã góp		
Số đầu kỳ	1.148.555.400.000	1.148.555.400.000
Số cuối kỳ	1.148.555.400.000	1.148.555.400.000

24.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Cổ phiếu đã phát hành	114.855.540	114.855.540
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	114.855.540	114.855.540
Cổ phiếu quỹ	958.060	958.060
Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu phổ thông)	958.060	958.060
Cổ phiếu đang lưu hành	113.897.480	113.897.480
Cổ phiếu phổ thông	113.897.480	113.897.480

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán SJS.

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND).

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Quý 2 năm 2024

B09 - DN

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 2 năm 2024	Quý 2 năm 2023
Tổng doanh thu	107.545.243.221	6.241.511.421
Trong đó:		
Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản	98.940.077.158	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.605.166.063	6.241.511.421
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	107.545.243.221	6.241.511.421

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay	301.004.576	30.154.045
Cổ tức, lợi nhuận được chia	765.000.000	-
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư vào công ty liên kết	390.000.000	50.000.000.000
TỔNG CỘNG	1.456.004.576	50.030.154.045

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	21.992.929.363	-
Giá vốn của hoạt động cung cấp dịch vụ	7.648.224.889	13.537.582.345
TỔNG CỘNG	29.641.154.252	13.537.582.345

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Lãi tiền vay	598.356.165	472.898.630
Hoàn nhập/Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	3.325.790.747	(39.787.475.390)
TỔNG CỘNG	3.924.146.912	(39.314.576.760)

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Quý 2 năm 2024

B09 - DN

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 2 năm 2024	Quý 2 năm 2023
Chi phí bán hàng	561.504.849	1.101.270.047
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.608.548.057	3.963.216.746
TỔNG CỘNG	8.170.052.906	5.064.486.793

29. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

Thu nhập khác	-	12.495
Chi phí khác	873.499.105	1.507.428.029
(LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC	(873.499.105)	(1.507.415.534)

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2024 có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN

	Quý 2 năm 2024	Quý 2 năm 2023
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.342.879.345	11.924.503.730
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	-	(409.027.497)
TỔNG CỘNG	13.342.879.345	11.515.476.233

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan của Công ty trong kỳ và tại Ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Sudico Tiến Xuân ("Công ty Sudico Tiến Xuân")	Công ty con
Công ty TNHH Sudico Thăng Long ("Công ty Sudico Thăng Long")	Công ty con
Công ty Cổ phần SJ Dịch vụ ("Công ty Dịch vụ Sudico")	Công ty con
Công ty Cổ phần Sudico Miền Trung ("Công ty Sudico Miền Trung")	Công ty con
Công ty Cổ phần Sudico Hòa Bình ("Công ty Sudico Hòa Bình")	Công ty con

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

B09 - DN

Quý 2 năm 2024

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Đầu tư Phát triển Sudico

Công ty con

Công ty Cổ phần Tư vấn Sudico (“Công ty Tư vấn Sudico”)

Công ty con

Công ty Cổ phần Xây dựng Sudico (“Công ty Xây dựng Sudico”) – Không còn là Công ty liên kết kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2024

Công ty liên kết

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Công ty CP SJ Dịch vụ	Công ty con	Thu hộ tiền thuê mặt bằng, phí dịch vụ	8.260.709.167
		Phí quản lý Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì	8.612.532.380
		Thanh toán phí quản lý, phí dịch vụ	-
		Gán trừ công nợ, phí quản lý, phí dịch vụ	13.219.746.107
Công ty TNHH MTV Sudico Tiến Xuân	Công ty con	Gán trừ tiền thuê văn phòng	618.150.000
		CP cho dịch vụ cây xanh, phí DV	2.544.858.408
		Cấp vốn chi lương	383.688.466
		Chi phí thuê xe	242.974.504
Công ty CP Tư vấn Sudico	Công ty con	Chuyển trả tiền vay, phí DV	468.708.323.157
		Chi phí thuê xe	77.353.024

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 2 năm 2024, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30/6/2024
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty CP Tư vấn Sudico	Công ty con	Cho thuê kiot	879.429.442
			879.429.442

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Quý 2 năm 2024

B09 - DN

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>30/6/2024</i>
<i>Trả trước cho người bán</i>			
Công ty TNHH Sudico Thăng Long	Công ty con	Trả trước phí DV	1.405.136.909
Công ty CP Tư vấn Sudico	Công ty con	Trả trước phí tư vấn	691.933.074
Công ty TNHH MTV Sudico Tiến Xuân	Công ty con	Trả trước phí DV	212.284.800
			2.309.354.783
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>			
Công ty CP VLXD và ĐTPT Sudico	Công ty con	Cho vay tín chấp	1.632.123.000
Công ty CP Sudico miền Trung	Công ty con	Cho vay tín chấp	942.385.000
			2.574.508.000
<i>Phải thu về cho vay dài hạn</i>			
Công ty TNHH Sudico Thăng Long	Công ty con	Cho vay tín chấp	17.188.888.000
			17.188.888.000
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
Công ty CP SJ Dịch vụ	Công ty con	Phí DV	4.479.560.527
Công ty TNHH MTV Sudico Tiến Xuân	Công ty con	Thi công dự án NAK	5.745.799.773
Công ty TNHH Sudico Thăng Long	Công ty con	Thi công dự án NAK	577.555.314
Công ty CP Tư vấn Sudico	Công ty con	Phí tư vấn	978.988.185
			11.781.903.799
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>			
Công ty TNHH MTV Sudico Tiến Xuân	Công ty con	Lãi vay phải trả và lợi ích góp vốn	334.113.022.905
			334.113.022.905

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

B09 - DN

Quý 2 năm 2024

Bên liên quan

Mối quan hệ

Nội dung nghiệp vụ

30/6/2024

Phải trả ngắn hạn khác

Công ty TNHH Sudico Thăng Long	Công ty con	Phí ủy quyền	24.147.036.331
		Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.034.500.000
Công ty TNHH MTV Sudico Tiến Xuân	Công ty con	Góp vốn hợp tác kinh doanh	431.000.000.000
		Quỹ khen thưởng, phúc lợi, khác	5.648.106.544
		Góp vốn dự án VL - VK	1.600.000.000
Công ty CP Sudico Hòa Bình	Công ty con	Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khác	3.027.489.347
Công ty CP Sudico miền Trung	Công ty con	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	508.800.000
			477.965.932.222

Phải trả dài hạn khác

Công ty TNHH Sudico Thăng Long	Công ty con	Góp vốn hợp tác đầu tư	382.893.009.942
Công ty TNHH MTV Sudico Tiến Xuân	Công ty con	Góp vốn hợp tác đầu tư	160.793.906.940
			543.686.916.882

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN QUÝ 2 NĂM 2024

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 2 năm 2024 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2024 của Công ty.

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập

Trần Việt Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Ninh
Giám đốc Tài chính

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2024